

Bản án số: 41/2021/DS –ST.

Ngày: 21/6/2021

Về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Phát Triển; 2. Đặng Văn Hai

- Thư ký phiên tòa: Trần Thị Mỹ Châu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại hội trường Toà án nhân dân huyện Lai Vung, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2021/TLDS-ST, ngày 25 tháng 01 năm 2021, về việc “tranh chấp dân sự về Hợp đồng mua bán”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 710/QĐST-DS, ngày 03 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1968; Là chủ hộ kinh doanh H.

Địa chỉ: Số 254A/TĐ, ấp T, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Thị H là Trần Duy D, sinh năm 1997; Địa chỉ: số 95B/2 ấp M, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 28/4/2021 (có mặt).

Bị đơn: Bành Bé B, sinh năm: 1978.

Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: số 847 ấp T, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2021; đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 07/4/2021; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo kết quả phiên họp và tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là: Trần Duy D trình bày:

Từ năm 2018 đến năm 2019, vợ chồng ông Bành Bé B và bà Nguyễn Thị Kim P có đến cửa hàng H do bà Nguyễn Thị H là chủ hộ kinh doanh vật tư nông nghiệp để mua thuốc bảo vệ thực vật nhiều lần, tính đến 24/02/2019 ông B và bà P

còn nợ 29.035.000đ, có biên nhận. Bà H nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông B và bà P trả nợ, đến ngày 07/4/2021 vợ chồng ông B có trả cho bà 20.000.000đ, còn nợ 9.035.000đ, bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Nay bà H yêu cầu vợ chồng ông B, bà P có trách nhiệm liên đới trả tiền mua thuốc bảo vệ thực vật còn nợ 9.035.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn ông Bành Bé B và bà Nguyễn Thị Kim P đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Bành Bé B và bà Nguyễn Thị Kim P có trách nhiệm liên đới trả nợ tiền mua phân bón vật tư nông nghiệp, đây là vụ án tranh chấp dân sự về Hợp đồng mua bán tài sản. Các đương sự cùng cư trú tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn ông Bành Bé B và bà Nguyễn Thị Kim P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, ông B và bà P ký nhận các văn bản tố tụng theo quy định nhưng các đương sự cố tình vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và tại phiên tòa nguyên đơn cũng thống nhất.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị H yêu ông Bành Bé B và bà Nguyễn Thị Kim P có trách nhiệm liên đới trả 9.035.000đ tiền mua vật tư nông nghiệp là có cơ sở, bởi lẽ: bà H chứng minh được bằng giấy nhận nợ do ông B trực tiếp ký tên và ghi rõ họ tên vào biên nhận, điều này chứng tỏ ông B có đến cửa hàng Hoàng Hoa của bà H mua vật tư nông nghiệp từ năm 2018 đến năm 2019, nợ 49.035.000đ, đến ngày 4/01/2021, 4/3/2021 trả 20.000.000đ và ngày 7/4/2021 trả 20.000.000đ, còn 9.035.000đ đến nay chưa trả.

Đối với bà P là vợ của ông B, mặc dù không trực tiếp ký tên vào giấy nhận nợ của bà H nhưng thời điểm này ông B và bà P đang trong thời kỳ hôn nhân, ông B mua vật tư nông nghiệp chăm sóc vườn, mục đích lo kinh tế gia đình, bà P cũng biết việc này nên phải có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm cùng ông B trả nợ cho bà H là phù hợp Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 27 luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25, và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này”.

Do đó, ông B và bà P phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H.

Đối với bị đơn, ông Bành Bé B và bà Nguyễn Thị Kim P kể từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo luật định nhưng ông B, bà P cố tình vắng mặt và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay có văn bản phản bác về việc yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị H, điều đó thể hiện bị đơn đã tự từ bỏ quyền phản bác, từ bỏ nghĩa vụ chứng minh về việc yêu cầu khởi kiện của bà H.

Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ mà bà H cung cấp để giải quyết theo quy định pháp luật nên buộc ông B và bà P có trách nhiệm liên đới trả cho bà H tiền mua vật tư nông nghiệp 9.035.000đ là phù hợp với Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự.

Tại Điều 430 Bộ luật dân sự quy định: “Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán”.

Tại Điều 440 Bộ luật dân sự quy định:

“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản”.

[3] Về án phí: do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên ông B, bà P có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 451.750đ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Bành Bé B và bà Nguyễn Thị Kim P cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H 9.035.000đ (chín triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

Về án phí; Tạm ứng án phí:

Ông Bành Bé B và bà Nguyễn Thị Kim P có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 451.750đ (bốn trăm năm mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H 725.900đ (bảy trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010751 ngày 19/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/6/2021). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Cẩm Hồng

